

TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Yên Khánh
Tỉnh Ninh Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/05/ 2019.

**Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim Thành.

2. Ông Nguyễn Thế Anh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh tham gia phiên tòa:*
Bà Đinh Thị Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 05 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 16/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2019 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị T; vắng mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã A, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Xóm 26, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc Đ; có mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã A, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

NHẬN THẤY

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Đoàn Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Quốc Đ kết hôn hợp pháp với nhau ngày 13 tháng 4 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Y

Khánh, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn anh chị chung sống không hạnh phúc do vợ chồng không hợp nhau, anh Đ luôn có thái độ gia trưởng, dễ ỷ, chấp nhặt với chị mọi việc nhỏ nhặt trong cuộc sống. Gần đây nhất vào ngày 03 tháng 12 năm 2018 do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Sau đó vì thương con nên chị lại quay về nhà anh Đ chung sống nhưng anh chị không cải thiện được mối quan hệ vợ chồng. Anh Đ cài đặt đồng bộ điện thoại, nghe lén mọi liên lạc của chị với bố mẹ chị và mọi người. Anh Đ kiểm soát mọi hoạt động của chị, bắt bẻ chị đủ chuyện khiến cuộc sống ngột ngạt và mâu thuẫn ngày càng căng thẳng hơn. Do không chịu đựng được nên chị đã bế con bỏ trốn khỏi gia đình anh Đ và về bố mẹ đẻ ở từ tháng 12 năm 2018 cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn.

Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Quốc B sinh ngày 10 tháng 10 năm 2017. Con chung còn quá nhỏ, chị đã bế con theo để tiện chăm sóc. Do cháu B mới được hơn 1 tuổi và chị có công việc ổn định, thu nhập bình quân từ 250.000 đồng đến 300.000 đồng một ngày nên chị đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Quốc B sinh ngày 10 tháng 10 năm 2017 cho chị tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị và anh Nguyễn Quốc Đ không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22 tháng 02 năm 2019 và tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Quốc Đ trình bày: Anh và chị Đoàn Thị T sau 6 tháng tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày 13 tháng 4 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không có mâu thuẫn gì lớn đến phải ly hôn; anh không đánh, không đuổi chị T. Mặc dù anh chị có xảy ra va chạm, cãi nhau do cách sống và sự giáo dục khác nhau. Thực tế chị T sống không có trách nhiệm với gia đình, không lo cho chồng con. Anh có nhắc nhở chị T về cách ứng xử và việc chăm con thì chị T không nghe. Khi vợ chồng mâu thuẫn hai bên gia đình đã phân tích, động viên anh chị khắc phục bớt những mâu thuẫn, cố gắng sửa chữa khuyết điểm, bỏ qua cho nhau để chung sống hạnh phúc nhưng chị T vẫn không thay đổi. Cuối tháng 12 năm 2018 chị T đã bế con về bên Ý Yên thuê nhà ở với sự cưu mang của bố mẹ đẻ và đến sau Tết Nguyên Đán chị T mới về ở cùng với bố mẹ đẻ. Vì con còn nhỏ và cần có sự quan tâm, chăm sóc của cả hai bố mẹ nên anh rất muốn chị T về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung. Anh đã tìm nhiều lần nhưng chị T cố tình không cho anh gặp mặt cả hai mẹ con. Nay anh xác định anh và chị T không về đoàn tụ được nhưng anh theo đạo Thiên chúa giáo nên anh không nhất trí ly hôn với chị T.

Về con chung (riêng): Vợ chồng anh có một con chung là cháu Nguyễn Quốc B sinh ngày 10 tháng 10 năm 2017, hiện chị T đang trực tiếp nuôi con. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh có nguyện vọng nuôi con nhưng tại phiên tòa

hôm nay anh nhất trí giao cháu B cho chị T nuôi và anh không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu B. Anh và chị T không có con riêng nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Anh và chị T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đoàn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Quốc Đ.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc B sinh ngày 10 tháng 10 năm 2017 cho chị Đoàn Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, tự lập được cuộc sống. Anh Nguyễn Quốc Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu B và có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn là chị Đoàn Thị T, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đoàn Thị T và anh Nguyễn Quốc Đ là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp và không tôn trọng nhau trong cuộc sống. Hai bên đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2018 cho đến nay và không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị T xin ly hôn anh Đ, anh Đ xác định anh và chị T không về đoàn tụ được nhưng anh theo đạo Thiên chúa giáo nên anh không nhất trí ly hôn với chị T. Điều này chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa chị T và anh Đ đã

đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn .

[3] Về con chung (riêng): Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Quốc B sinh ngày 10 tháng 10 năm 2017. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị T và anh Đ đều có nguyện vọng nuôi con và không bên nào yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa anh Đ nhất trí giao cháu Nguyễn Quốc B cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và anh không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con.

Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu B , Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cháu B cho chị T nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị T và anh Đ không có con riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp: Chị Đoàn Thị T và anh Nguyễn Quốc Đ không có tài sản chung (riêng), công nợ và đất nông nghiệp nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Đoàn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị T và anh Nguyễn Quốc Đ được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc B sinh ngày 10 tháng 10 năm 2017 cho chị Đoàn Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, tự lập được cuộc sống. Anh Nguyễn Quốc Đ không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu B và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai T tiền tạm ứng án phí số AA/2013/ 0001971 ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết; bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/5/2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Yên Khánh .
- Chi cục THA dân sự huyện Yên Khánh.
- UBND xã Khánh An, huyện Yên Khánh.
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Phương